

Số: 182/2018/NQ-HĐND

Hưng Yên, ngày 12 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT
Về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm
giai đoạn 2016-2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ BẢY

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ quyết định 1865/QĐ-TTg ngày 23/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 97/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020;

Xét Tờ trình số 163 /TTr-UBND ngày 05/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2016-2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; Ý kiến thảo luận và biểu quyết của các vị đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Hưng Yên với các nội dung sau:

I. Điều chỉnh tổng nguồn vốn đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 (Khoản 1, Mục II, Nghị quyết số 97/2016/NQ-HĐND ngày 21/7/2017), cụ thể:

Tổng nguồn vốn đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 là **11.587,1** tỷ đồng, bao gồm:

- Nguồn vốn ngân sách tập trung: 2.947 tỷ đồng;
- Nguồn thu tiền sử dụng đất: 4.355 tỷ đồng (trong đó thu tiền sử dụng đất Khu Đại học Phố Hiến 905 tỷ đồng);
- Nguồn thu xổ số kiến thiết: 89,5 tỷ đồng;
- Nguồn vốn bội chi ngân sách: 700 tỷ đồng;

- Nguồn vốn ngân sách trung ương: 3.495,6 tỷ đồng.

II. Điều chỉnh phương án phân bổ vốn đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 (Khoản 3, Mục II, Nghị quyết số 97/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2017), cụ thể:

1. Tổng số vốn đầu tư: 11.587,1 tỷ đồng.

2. Phân cấp nguồn vốn đầu tư như sau:

a) Nguồn vốn cấp tỉnh quản lý: **8.519,9** tỷ đồng, bao gồm:

- Nguồn vốn ngân sách tập trung 2.353,4 tỷ đồng; phân bổ chi tiết 2.118 tỷ đồng; dự phòng 235,4 tỷ đồng, phân bổ như sau: Trả nợ vay Ngân hàng phát triển thực hiện Chương trình giao thông nông thôn 58,5 tỷ đồng; bố trí vốn đối ứng các dự án ODA 28 tỷ đồng; thanh toán nợ XDCB các dự án hoàn thành còn thiếu vốn 164,1 tỷ đồng; đầu tư các dự án chuyên tiếp và dự án khởi công mới dự kiến hoàn thành giai đoạn 2016-2020 là 1.783,3 tỷ đồng; vốn chuẩn bị đầu tư các dự án mới 15,5 tỷ đồng; vốn đầu tư các chương trình, đề án (Đề án kinh tế vùng bãi; hỗ trợ các xã làm truyền thanh không dây; chương trình kiên cố hóa trường, lớp học) 68,8 tỷ đồng.

- Nguồn thu tiền sử dụng đất 1.881,3 tỷ đồng, phân bổ chi tiết 1.705,9 tỷ đồng; dự phòng 175,4 tỷ đồng, phân bổ như sau: Trả nợ vốn đã vay Ngân hàng phát triển 59 tỷ đồng; hỗ trợ mua xi măng xây dựng nông thôn mới 70 tỷ đồng; trích lập Quỹ Phát triển đất 80 tỷ đồng; kinh phí đo đạc lập hồ sơ địa chính (04 huyện: Ân Thi, Mỹ Hào, Văn Lâm, Văn Giang) 52,7 tỷ đồng; trả nợ lãi vay do chính quyền địa phương vay 8,2 tỷ đồng; hỗ trợ trả nợ và đầu tư các chương trình, đề án, dự án 621,5 tỷ đồng (Hỗ trợ thực hiện Đề án kinh tế vùng bãi 10 tỷ đồng; hỗ trợ trả nợ XDCB và đầu tư mới các công trình xây dựng trường, lớp học 76,2 tỷ đồng; hỗ trợ trả nợ XDCB và đầu tư xây dựng trụ sở UBND xã 20 tỷ đồng; hỗ trợ các xã làm truyền thanh không dây 5 tỷ đồng; đầu tư các chương trình, dự án 510,3 tỷ đồng); đầu tư các dự án Khu Đại học Phố Hiến 814,5 tỷ đồng.

- Nguồn thu xổ số kiến thiết 89,5 tỷ đồng, phân bổ chi tiết 81,75 tỷ đồng đầu tư các công trình, dự án thuộc lĩnh vực giáo dục, y tế; dự phòng 7,75 tỷ đồng.

- Nguồn vốn bội chi ngân sách 700 tỷ đồng, phân bổ để chuẩn bị đầu tư và thực hiện đầu tư các công trình xây dựng cơ bản của tỉnh.

- Vốn ngân sách trung ương: 3.495,6 tỷ đồng, bao gồm:

+ Nguồn vốn trong nước: 2.533 tỷ đồng, phân bổ chi tiết 2.284,7 tỷ đồng; dự phòng 248,3 tỷ đồng.

+ Nguồn vốn nước ngoài: 962,6 tỷ đồng, phân bổ chi tiết 866,3 tỷ đồng, dự phòng 96,3 tỷ đồng.

b) Nguồn vốn đầu tư cấp huyện, cấp xã quản lý: **3.067,2** tỷ đồng, bao gồm:

- Nguồn vốn ngân sách tập trung tỉnh phân cấp: 593,5 tỷ đồng, phân bổ chi tiết 534,2 tỷ đồng, dự phòng 59,3 tỷ đồng.

- Nguồn thu tiền sử dụng đất cấp huyện, xã quản lý: 2.473,7 tỷ đồng, phân bổ chi tiết 2.226,3 tỷ đồng, dự phòng 247,6 tỷ đồng.

3. Điều chỉnh, bổ sung danh mục dự án và kế hoạch vốn đầu tư, cụ thể:

- Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn 06 công trình từ nguồn xổ số kiến thiết số tiền là 42,15 tỷ đồng.

- Bổ sung danh mục và kế hoạch đầu tư đối với Dự án Lập quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; số vốn là 34 tỷ đồng; nguồn vốn: Từ nguồn dự phòng 10% vốn đầu tư trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 với số vốn 20 tỷ đồng; số còn lại từ nguồn chi sự nghiệp kinh tế.

- Điều chỉnh tên và quyết định đầu tư: Hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình Nhà ăn Công an tỉnh Hưng Yên tại Quyết định số 2552/QĐ-UBND ngày 17/10/2018 của UBND tỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 phân bổ là 16.051 triệu đồng (kế hoạch vốn trung hạn giữ nguyên không thay đổi).

- Điều chỉnh, bổ sung hạn mức bội chi là 700 tỷ đồng, trong đó năm 2017 đã giao là 148,5 tỷ đồng; năm 2018 đã giao là 50 tỷ đồng.

- Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư của các dự án còn dư, thiếu vốn với số tiền là 32.173 triệu đồng, trong đó:

+ Bổ sung vốn cho các dự án đã quyết toán nhưng còn thiếu vốn, số tiền là 5.641 triệu đồng;

+ Các dự án đã được quyết định đầu tư, đang triển khai thực hiện nhưng bố trí chưa đủ nguồn vốn hoặc dự án có tổng mức đầu tư lớn, tiến độ triển khai nhanh, số vốn bổ sung: 26.532 triệu đồng.

(Chi tiết nội dung phương án điều chỉnh, bổ sung tại các Phụ lục đính kèm)

III. Các nội dung khác giữ nguyên theo Nghị quyết số 81/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 và Nghị quyết số 97/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2017 của HĐND tỉnh về kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này, báo cáo việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 với các cơ quan Trung ương và địa phương theo quy định.

Điều 3. Giữa hai kỳ họp, Hội đồng nhân dân tỉnh ủy quyền cho Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 theo quy định; kết quả báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất.

Điều 4. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVI, Kỳ họp thứ Bảy thông qua ngày 12 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 12 năm 2018./.

CHỦ TỊCH

Đỗ Xuân Tuyên

**TỔNG HỢP NGUỒN NSNN TRONG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM
GIAI ĐOẠN 2016-2020**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 182/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn đầu tư	Kế hoạch 5 năm 2016-2020			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:		
			Phân bổ chi tiết 90%	Dự phòng 10%	
	TỔNG SỐ	11,587,094	10,517,322	1,069,772	
A	NGUỒN VỐN CẤP TỈNH QUẢN LÝ	8,519,858	7,756,809	763,049	
1	Vốn ngân sách tập trung	2,353,471	2,118,124	235,347	
-	Trả nợ vay Ngân hàng phát triển		58,500		
-	Đổi ứng các dự án ODA		27,982		
-	Vốn chuẩn bị đầu tư các dự án mới		15,500		
-	Đầu tư các chương trình, dự án, bao gồm:		2,016,142		
	+ Thanh toán nợ XDCB các dự án hoàn thành còn thiếu vốn		164,057		
	+ Dự án chuyển tiếp và dự án khởi công mới dự kiến hoàn thành giai đoạn 2016-2020		1,783,285		
	+ Đầu tư các chương trình, đề án		68,800		
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất	1,881,292	1,705,900	175,392	
-	Trả nợ vay Ngân hàng phát triển		59,000		
-	Hỗ trợ mua xi măng xây dựng nông thôn mới		70,000		
-	Trích lập Quỹ Phát triển đất		80,000		
-	Kinh phí đo đạc, lập hồ sơ địa chính (04 huyện: Ân Thi, Mỹ Hào, Văn Lâm, Văn Giang)		52,737		
-	Trả nợ lãi vay do chính quyền địa phương vay		8,188		
-	Hỗ trợ trả nợ, đầu tư các chương trình, đề án, dự án		621,475		
-	Đầu tư các dự án Khu Đại học Phố Hiến		814,500		
3	Nguồn thu xổ số kiến thiết	89,500	81,750	7,750	
	Phân bổ đầu tư các công trình, dự án thuộc lĩnh vực giáo dục, y tế	89,500	81,750	7,750	
4	Nguồn bội chi ngân sách	700,000	700,000		
5	Vốn ngân sách trung ương	3,495,594	3,151,035	344,559	
<i>a</i>	<i>Vốn trong nước</i>	2,533,000	2,284,700	248,300	
-	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM	503,500	453,150	50,350	
-	Hỗ trợ nhà ở cho người có công theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg	53,000	47,700	5,300	
-	Vốn đầu tư theo chương trình mục tiêu	1,126,500	1,013,850	112,650	
-	Vốn trái phiếu Chính phủ	850,000	770,000	80,000	
+	Ngành giao thông	800,000	720,000	80,000	
+	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM	50,000	50,000		
<i>b</i>	<i>Vốn nước ngoài</i>	962,594	866,335	96,259	
B	NGUỒN VỐN CẤP HUYỆN QUẢN LÝ	1,995,029	1,795,526	199,503	
1	Nguồn vốn ngân sách tập trung tỉnh phân cấp	593,529	534,176	59,353	
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất	1,401,500	1,261,350	140,150	
C	NGUỒN VỐN CẤP XÃ QUẢN LÝ	1,072,208	964,987	107,221	
1	Nguồn thu tiền sử dụng đất	1,072,208	964,987	107,221	

Ghi chú: Phụ lục này thay thế Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 97/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2017 của HĐND tỉnh.

Phụ lục số 02

**BỔ SUNG DANH MỤC VÀ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM
GIAI ĐOẠN 2016-2020 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2018**

(Nguồn thu tiền sử dụng đất các dự án thuộc Khu Đại học Phố Hiến)

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 182/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư	Bổ sung kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 và năm 2018		Ghi chú
			Tổng số KH trung hạn 2016-2020	Trong đó: Kế hoạch năm 2018	
1	2	3	4	5	6
	TỔNG SỐ		814,500	112,343.5	
I	Dự án đã có trong kế hoạch trung hạn		78,626	20,000	
1	Đường trục phía Bắc Khu Đại học Phố Hiến	2372/QĐ-UBND ngày 07/12/2015; 2875/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	78,626	20,000	
II	Dự án chưa có trong kế hoạch trung hạn		735,874	92,343.5	
1	Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư mới Bắc Nu-10, Khu Đại học Phố Hiến	2232/QĐ-UBND ngày 07/8/2017	110,320	32,500	
2	Khu dân cư mới Nam Nu-10, Khu Đại học Phố Hiến	2516/QĐ-UBND ngày 14/9/2017	43,470		
3	Khu dân cư mới TT7, Khu Đại học Phố Hiến	113/QĐ-UBND ngày 18/1/2018	43,062		
4	Khu dân cư mới Nu-9, Khu Đại học Phố Hiến	927/QĐ-UBND ngày 10/4/2018	100,430	30,000	
5	Khu dân cư mới phía Bắc Nu-9, Khu Đại học Phố Hiến	1242/QĐ-UBND ngày 1/6/2018	29,410		
6	Hoàn thiện đường trục phía Bắc Khu Đại học Phố Hiến	1811/QĐ-UBND ngày 26/6/2017	108,550	29,843.5	
7	Hệ thống thoát nước nghĩa trang nhân dân thôn Phù Oanh, xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ	1183/QĐ-UBND ngày 21/5/2018	932		
8	Đường trục phía Nam Khu Đại học Phố Hiến (đoạn từ đường HY3 đến đường bộ nối hai đường cao tốc)	174/NQ-HĐND ngày 12/12/2018	108,000		
9	Đường trục trung tâm Khu Đại học Phố Hiến (đoạn từ đường HY3 đến đường bộ nối hai đường cao tốc)	173/NQ-HĐND ngày 12/12/2018	91,800		
10	Hoàn chỉnh đường trục phía Bắc Khu Đại học Phố Hiến (đoạn từ đường HY3 đến đường ĐH.72)	172/NQ-HĐND ngày 12/12/2018	99,900		

**BỔ SUNG DANH MỤC VÀ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN
NĂM GIAI ĐOẠN 2016-2020**

(Nguồn số liệu kiến thiết)

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 182/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016-2020	Ghi chú
1	2	3	4	5
	TỔNG SỐ		42,150	
1	Trường Trung học cơ sở xã Tân Việt, huyện Yên Mỹ	2844/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	12,443	
2	Trường mầm non trung tâm xã Quang Vinh, huyện Ân Thi	2852/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	5,467	
3	Trường mầm non trung tâm xã Bắc Sơn, huyện Ân Thi	2853/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	5,500	
4	Nhà lớp học 6 phòng Trường Tiểu học xã Chi Đạo, huyện Văn Lâm	2855/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	5,240	
5	Trường mầm non xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm	2854/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	5,500	
6	Trung tâm thực hành chăm sóc người bệnh - Trường Cao đẳng Y tế Hưng Yên	1897/QĐ-UBND ngày 14/8/2018	3,000	
7	Trường mầm non xã Tân Việt, huyện Yên Mỹ	91A/QĐ-UBND ngày 22/10/2015	2,000	
8	Trường mầm non xã Tiên Tiến, huyện Phù Cừ	30/QĐ-UBND ngày 28/10/2015	3,000	

Phụ lục số 04

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DANH MỤC VÀ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016-2020 VÀ NĂM 2018

(Nguồn vốn ngân sách tỉnh)

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 182/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng,

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư	Kế hoạch 5 năm 2016-2020 giao tại Nghị quyết 97/NQ-HĐND ngày 21/7/2017	Số vốn điều chỉnh giảm		Số vốn điều chỉnh tăng		Kế hoạch 5 năm 2016-2020 sau điều chỉnh	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó: KH năm 2018	Tổng số	Trong đó: KH năm 2018		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	TỔNG SỐ		932,832	32,173	3,223	32,173	3,223	380,328	
I	Danh mục dự án điều chỉnh vốn giảm		141,421	32,173	3,223			109,248	
1	Cải tạo, nạo vét và kè mái sông Đổng Lỗ - Tỉnh Linh (đoạn từ K0+34-K1+275 và đoạn từ K1+800-k2+479)	1544/QĐ-UBND ngày 26/07/2010 2117/QĐ-UBND ngày 12/11/2013	7,712	506	4			7,206	
2	Cầu Bến trên đường ĐH.203B, địa phận xã Lê Xá, huyện Tiên Lữ	2028/QĐ-UBND ngày 24/10/2013	7,893	1,494				6,399	
3	Dự án đầu tư xây dựng công trình Cầu Tây (cầu Lạng) tại Km 5+500 ĐT.380 (đường 196 cũ)	2149/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	10,500	1,305				9,195	
4	Cầu Bà Sinh tại Km 12+792 ĐT.385 (đường 19 cũ)	2151/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	15,000	3,869	2,869			11,131	
5	Cầu Bình Phú trên ĐT.381, huyện Yên Mỹ	2262/QĐ-UBND ngày 19/10/2016	12,150	1,500	350			10,650	
6	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Y tế huyện Văn Giang	769/QĐ-UBND ngày 21/4/2009; 1748/QĐ-UBND ngày 24/10/2014	4,920	240				4,680	
7	Cải tạo, nâng cấp Trường THPT chuyên Hưng Yên	1778/QĐ-UBND ngày 24/10/2011	14,000	7,400				6,600	
9	Đầu tư xây dựng công trình tôn tạo di tích đền thờ Triệu Quang Phục (Triệu Việt Vương) thuộc Khu di tích Chử Đồng Tử - Tiên Dung	967/QĐ-UBND ngày 24/5/2016	6,300	6,300				0	

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư	Kế hoạch 5 năm 2016-2020 giao tại Nghị quyết 97/NQ-HĐND ngày 21/7/2017	Số vốn điều chỉnh giảm		Số vốn điều chỉnh tăng		Kế hoạch 5 năm 2016-2020 sau điều chỉnh	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó: KH năm 2018	Tổng số	Trong đó: KH năm 2018		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
10	Cầu Khé tại Km 13+700 ĐT.384 (đường 204 cũ)	2150/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	10,000	1,725				8,275	
11	Đường 202 đoạn km1+400 - km7+050 (Đa Lộc - Trần Cao)	1607/QĐ-UBND ngày 24/8/2015	20,089	772				19,317	
12	Tuyến đường bộ nối đường trục kinh tế Bắc Nam tỉnh Hưng Yên với ĐT 281 tỉnh Bắc Ninh	1747/QĐ-UBND ngày 14/10/2011	18,655	1,427				17,228	
13	Nhà lớp học lý thuyết Trường THPT Phạm Ngũ Lão, huyện Ân Thi	1700/QĐ-UBND ngày 17/10/2014	3,132	452				2,680	
14	Bảo tồn, tôn tạo quần thể di tích Phố Hiến giai đoạn 2 (Hạng mục: Đèn thờ Lạc Long Quân)	3589/QĐ-BVHTT ngày 16/10/2003	11,070	5,183				5,887	
II	Danh mục dự án điều chỉnh vốn tăng		791,411			32,173	3,223	271,080	
a	Các dự án đã phê duyệt quyết toán		32,387			5,641	3,223	38,028	
1	Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND tỉnh cũ	852/QĐ-UBND ngày 04/5/2016	4,218			93	93	4,311	
2	Sửa chữa, chỉnh trang trụ sở Tỉnh ủy	1132/QĐ-UBND ngày 14/6/2016	1,282			19	19	1,301	
3	Trụ sở làm việc Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên	1432/QĐ-UBND ngày 22/8/2014	2,500			92	92	2,592	
4	Cải tạo, chỉnh trang Nhà thiếu nhi tỉnh Hưng Yên	1749/QĐ-UBND ngày 24/10/2014				230		230	
5	Công viên cây xanh Quảng trường trung tâm tỉnh Hưng Yên	2036/QĐ-UBND ngày 30/10/2008				91		91	
6	Xây dựng công trình cầu GTNT xã Đoàn Đào, huyện Phù Cừ	1832/QĐ-UBND ngày 01/10/2013				3,063	3,019	3,063	

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư	Kế hoạch 5 năm 2016-2020 giao tại Nghị quyết 97/NQ-HĐND ngày 21/7/2017	Số vốn điều chỉnh giảm		Số vốn điều chỉnh tăng		Kế hoạch 5 năm 2016-2020 sau điều chỉnh	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó: KH năm 2018	Tổng số	Trong đó: KH năm 2018		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
7	Xây dựng công trình cầu Tráng vũ xã Đồng Than, huyện Yên Mỹ	1171/QĐ-UBND ngày 15/7/2013				873		873	
8	Tăng cường năng lực sản xuất hạt giống lúa chất lượng cao tại Xí nghiệp giống cây trồng Phù Cừ và Xí nghiệp giống cây trồng Tam Thiên Mẫu	1943/QĐ-UBND ngày 31/10/2012	5,200			45		5,245	
9	Đầu tư thiết bị sản xuất chương trình và truyền dẫn phát sóng của Đài Phát thanh truyền hình Hưng Yên	1692/QĐ-UBND ngày 15/10/2014	10,187			179		10,366	
10	Cải tạo, sửa chữa, bảo tồn công trình Nhà thành, thành phố Hưng Yên	2402/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	9,000			956		9,956	
b	Các dự án bổ sung vốn		759,024			26,532		233,052	
1	Đường trục xã Hùng Cường (đoạn từ nhà ông Hoàng thôn Phụng Hoàng đến nhà bà Thẩm thôn Cao Xá)	2717/QĐ-UBND ngày 21/11/2016	23,625			2,000		25,625	
2	Dự án cải tạo, nâng cấp ĐT.387 (Lương Tài - Bãi Sậy)	2541/QĐ-UBND ngày 19/9/2017	91,142			5,000		96,142	
3	Trung tâm phòng, chống HIV/AIDS và các bệnh nhiệt đới tỉnh Hưng yên	2580/QĐ-UBND ngày 26/9/2017	27,055			12,113		39,168	
4	Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp tuyến kênh D11 và kênh T2B thuộc huyện Văn Lâm	2351/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	7,200			760		7,960	
5	Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Đa khoa Phố Nối (giai đoạn II)	2173/QĐ-UBND ngày 21/10/2009	57,498			1,917		59,415	
6	Công trình san nền, tường rào mặt bằng xây dựng đền thờ Lạc Long Quân	2607/QĐ-UBND ngày 25/10/2018				4,742		4,742	